Ký bởi: Văn phòng
Cơ quan: , Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 04.06.2020 17:42:33

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1438 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 04 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bổ sung tên đặt vào Đề án Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng thành phố Hải Phòng tại Công văn số 1030/SVHTT-QLDSVH ngày 01/6/2020 về việc phê duyệt bổ sung tên đặt vào Đề án Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung tên đặt vào Đề án Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

Tổng số: 42 tên, trong đó:

- 07 tên là tên danh nhân có công với đất nước.

- 23 tên là tên danh nhân có công với đất nước và thành phố Hải Phòng.

- 04 tên là địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân.

- 02 tên là danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.

- 04 tên là di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia.

- 01 tên là di tích lịch sử, văn hóa cấp thành phố.

- 01 tên là phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược, có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương.

(Danh sách tên đặt chi tiết kèm theo Công văn số 1030/SVHTT-QLVH ngày 01/6/2020 của Sở Văn hóa và Thể thao).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Hải Phòng và các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng và đúng quy định hiện hành.

- Giao các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ, chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa và Thể thao triển khai thực hiện theo quy định; đảm bảo ý nghĩa, thiết thực và hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ngành: Văn hóa và Thể thao, Nội vụ, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Thông tin và Truyền thông; Công an thành phố, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng, Báo An ninh Hải Phòng; Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ VHTT&DL;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, PCT Lê Khắc Nam;
- Các VP: TU, HĐND TP;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Ban VHXH HĐND TP;
- CVP, PCVP Trần Huy Kiên;
- Phòng: VX, NC và KTGS;
- Các CV: VH, XG, GT, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Khắc Nam

Ký bởi: Sở Văn hóa và Thể thao
Cơ quan: , Thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 02.06.2020 10:08:04 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

Số: 1030 /SVHTT-QLDSVH
V/v ban hành Quyết định bổ sung tên đặt vào Ngân hàng tên đường, phố, công trình công cộng thành phố Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG		
ĐẾN Số: 21291 Ngày: 02/06/2020		
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		
ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT N.V.Tùng		x
PCT TT N.X.Bình		
PCT L.K.Nam	x	
PCT N.V.Thành		
PCT N.Đ.Chuyến		
CVP P.H.Hùng		x
PCVP B.B.Sơn		
PCVP T.H.Kiên		
PCVP N.N.Tú		
P. XDGTCT		
P. VX	x	
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSĐ		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
TTTTTH		
TTHN & NKTP		

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 403/UBND-TH ngày 20/01/2020 về việc triển khai Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2020, trong đó giao Sở Văn hóa và Thể thao tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chuẩn bị hồ sơ Nghị quyết về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố, trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thường lệ giữa năm 2020.

Sở Văn hóa và Thể thao đã cùng với Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thành phố và các cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn, đề xuất tên đặt bổ sung vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Ngày 29/5/2020, Hội đồng Tư vấn đã họp bàn và thống nhất lựa chọn 42 tên đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung vào Ngân hàng tên đường, phố, công trình công cộng thành phố.

Sở Văn hóa và Thể thao trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt *(có dự thảo kèm theo)*.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTr HĐND TP;
- Ông Lê Khắc Nam - PCT UBNDTP;
- Ban VHXH-HĐND TP;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLDSVH.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quý

DANH SÁCH TÊN ĐẶT

(Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng thành phố)

Tên danh nhân có công với đất nước

1. CHU VĂN AN	*Đã đặt tên*
Ông tự là Linh Triệt (1292-1370), hiệu là Tiều Ẩn, quê xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông là người thầy giỏi, nhưng nghiêm khắc. Thời trẻ ông học giỏi, tính tình thẳng thắn, không màng công danh, ở nhà dạy học, rất trọng tài năng của học trò. Học trò của ông có nhiều người giỏi, có công giúp nước như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát... Vua Trần Minh Tông đã mời ông ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám và dạy Thái tử học. Thời Trần Dụ Tông, ông dâng sớ xin chém 7 nịnh thần (thất trảm sớ) vua không nghe. Ông bèn treo ấn, từ quan về sống ở núi Phụng Hoàng, huyện Chí Linh, Hải Dương. Khi ông mất, vua Nghệ Tông cho người đến tế. Chu Văn An là người thầy chủ trương thực học, để lại cho đời các tập thơ "Tiều Ẩn thi tập", "Quốc ngữ thi tập", bộ "Tứ thư thuyết ước", bên cạnh đó còn có "Y học yếu giải tập chú" đúc kết lý luận đông y cùng nhiều phương thuốc chữa các bệnh ôn nhiệt. Vua Trần đã ra lệnh thờ ông ở Văn Miếu.	
2. TẠ QUANG BỬU	*Chưa đặt tên*
Tạ Quang Bửu (1910-1986) là nhà toán học, nhà hoạt động khoa học và giáo dục. Ông sinh ra trong một gia đình nhà giáo tại xã Nam Hoành, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông từng học nhiều trường lớn ở Tây Âu như Trường Điện cao cấp của Pháp, Trường Đại học Oxford của Anh, có bằng Toán học cao cấp của Pháp. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông dạy học ở Huế. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông phụ trách nhiều nhiệm vụ quan trọng về ngoại giao và quốc phòng (Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng); Ủy viên Quân sự ủy viên Hội; thành viên trong phái đoàn Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại hội nghị Phôngtennơblô (1946), Hội nghị Giơnevơ (1954). Hòa bình lập lại, ông làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước và Giám đốc Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (1954-1965). Từ năm 1965 đến năm 1976, ông làm Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Ông còn là	

đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa VI, Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam và Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt – Xô; được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.

3. LƯƠNG VĂN CAN	*Đã đặt tên*

Lương Văn Can (1854-1927) quê ở làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội. Năm 21 tuổi, ông đỗ Cử nhân mở trường dạy học tại nhà. Ông là một trong những người sáng lập Đông Kinh nghĩa thục và làm Thục trưởng.

Từ năm 1913, sau vụ đánh bom khách sạn Hà Nội của Việt Nam quang phục hội, thực dân Pháp đã cho là do nhóm Đông Kinh nghĩa thục làm, nên chúng bắt ông đày đi Côn Đảo, an trí 10 năm tại Phnôm Pênh (Campuchia). Năm 1924 ông được trở về nước và mất tại Hà Nội vào năm 1927.

4. HỒ ĐẮC DI	*Chưa đặt tên*

Hồ Đắc Di (1900 - 1984) Quê Thừa Thiên - Huế. Tốt nghiệp bác sĩ y khoa Trường Đại học Y Pari; nguyên nội trú các bệnh viện Pari. Thầy thuốc thường trú ở Bệnh viện Phủ Doãn Hà Nội (nay là Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức). Một trong những người đầu tiên xây dựng ngành ngoại khoa Việt Nam. Giáo sư và hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hà Nội (1945 - 1977). Chủ tịchTổng hội Y học Việt Nam (1957 - 1984). Các công trình nghiên cứu khoa học chủ yếu thuộc các lĩnh vực ngoại khoa bụng, sản phụ khoa, triết học trong y học. Được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về y dược (1996) cho các công trình về sinh học, bệnh học đại cương và về quan điểm, đường lối và phương pháp luận đào tạo cán bộ y tế Việt Nam.

5. HỒ TÙNG MẬU	*Chưa đặt tên*

Hồ Tùng Mậu (1896-1951) người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Tên khai sinh là Hồ Bá Cự, ông sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước. Khi hoạt động cách mạng, ông có nhiều bí danh như: Ích, Lương Tử anh, Phan Tái, Hồ Mộng Tống, Hồ Quốc Đống. Khi hoạt động ở hpg ông thường mang bí danh Ích. Năm 1920, Hồ Bá Cự sang Trung Quốc tìm gặp các nhà cách mạng đang hoạt động tại đây như Phan Bội Châu, Hồ Ngọc Lãm,… Tại Quảng Châu, Hồ Tùng Mậu đã cùng Lê Hồng Sơn lập ra "Tâm tâm xã" tập hợp thanh niên yêu nước, chủ trương ám sát các tên thực dân đầu sỏ, Việt gian nguy hiểm và vận động thanh niên xuất dương nhằm đào tạo cán bộ cho phong trào. Năm 1925,

Hồ Tùng Mậu tham gia xây dựng Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí hội, được cử về Hải Phòng hoạt động. Ông đến Hải Phòng, mở hiệu sách Huệ Quần Thư Điếm làm nơi liên lạc, đưa nhiều cán bộ sang Quảng Châu theo học. Năm 1927 đến 1929 ông bị bắt giam tại nhà tù Tưởng Giới Thạch, được bầu vắng mặt làm Ủy viên chấp hành Tổng bộ Thanh niên cách mạng. Sau khi được thả, ông công tác bên cạnh Nguyễn Ái Quốc và giữ liên hệ với Quốc tế cộng sản. Tháng 6/1931, ông bị bắt tại Thượng Hải và đưa về giam tại Hỏa Lò. Từ tháng 12/1931 đến tháng 3/1945, ông bị chuyển qua nhiều nhà tù. Khi Nhật đảo chính Pháp, ông cùng các tù chính trị trốn khỏi căng an trí Trà Khê, tỉnh Phú Yên và về hoạt động tại Xứ ủy Trung Kỳ.

Hồ Tùng Mậu được giao nhiều nhiệm vụ: Phụ trách trường quân chính Nhượng Bạn, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Liên khu IV, Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy, Tổng Thanh tra Ban thanh tra Chính phủ, Hội trưởng Hội Việt Hoa hữu nghị. Tháng 2/1951, ông được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương. Ngày 23/7/1951, ông hy sinh trên đường đi công tác.

6. HOÀNG VĂN THỤ	*Đã đặt tên*

Là nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Dân tộcTày. Quê xã Nhân Lý, châu Điềm He, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, Lạng Sơn).

Năm 1926, tham gia phong trào truy điệu Phan Châu Trinh và thành lập nhóm thanh niên yêu nước ở Lạng Sơn. Năm 1927, sang Trung Quốc hoạt động; làm công nhân Xưởng cơ khí Nam Hưng (do những người cách mạng Việt Nam lập ở Quảng Tây). Năm 1929, gia nhập Đông Dương Cộng sản Đảng. Từ 1930 đến 1933, xây dựng được một số tổ chức quần chúng cách mạng ở Lạng Sơn. Đầu năm 1937, trở về Cao Bằng; tham gia chỉ đạo phong trào Mặt trận dân chủ. Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ từ 3.1939. Tháng 11.1940, tham gia Hội nghị trung ương VII - hội nghị quyết định tiếp tục thực hiện chủ trương nêu cao mục tiêu giải phóng dân tộc do Hội nghị trung ương VI (1939) đề ra; được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Lâm thời của Đảng, chỉ đạo lực lượng vũ trang và căn cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai. Tháng 5.1941, được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng (Hội nghị VIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở Cao Bằng). Sau được cử vào Tổng bộ Việt Minh. Năm 1943, được uỷ nhiệm cùng Xứ uỷ Bắc Kỳ và Thành uỷ Hà Nội củng cố các cơ sở Đảng, giữ vững và phát triển phong trào cách mạng ở Hà Nội. Tháng 8.1943, bị thực dân Pháp bắt (tại phường Tân Mai, Hà Nội ngày nay), bị kết án tử hình vào tháng 1 năm 1944, bị bắn tại Hà Nội ngày 24/5/1944 tại Bạch Mai, Hà Nội.

7. HÀN THUYÊN	*Chưa đặt tên*

Hàn Thuyên (TK XIII) (tên thật: Nguyễn Thuyên, thế kỉ 13). Quê làng Lại Hạ, huyện Thanh Lâm, Hải Dương. Không rõ năm sinh và năm mất. Đỗ Thái học sinh dưới triều Trần Nhân Tông (1279 - 93), làm quan đến chức thượng thư Bộ Hình. Tác phẩm: tập thơ Nôm "Phi Sa tập", hiện thất lạc. Tương truyền được coi là người phổ biến chữ Nôm với bài "Văn tế cá sấu" nổi tiếng. Ông còn là người khởi đầu cho việc phát triển chữ Nôm, đặt nên luật thơ Hàn Thuyên là kiểu luật thơ Đường kết hợp với ngữ điệu tiếng Việt

Danh nhân có công với đất nước và thành phố Hải Phòng

1. TRẦN QUỐC BẢO	*Chưa đặt tên*

Trần Quốc Bảo là cháu vua Trần. Khi quân Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ ba (1287), Trần Quốc Bảo được giao nhiệm vụ trấn thủ miền ven biển. Ông đã đóng quân ở vùng Áng Hồ, Áng Lác trong dãy núi đá Tràng Kênh.

Vào khoảng tháng 2-1288, tướng giặc Nguyên là Ô-mã-nhi, chờ mãi không thấy thuyền lương của Trương Văn Hổ tới, đã kéo quân đến An Bang (Quảng Ninh ngày nay) vừa để đón Văn Hổ, vừa đi cướp bóc lấy lương thực ăn. Quân Nguyên bị quân ta chặn đánh. Trần Quốc Bảo đã đưa quân sang chiến đấu ở vùng này để giúp sức cho Trần Khánh Dư. Trong một trận giáp chiến quyết liệt giữa quân ta và quân Nguyên, tướng Trần Quốc Bảo bị trọng thương. Quân lính đưa ông về khu vực Áng Hồ phía sau. Mặc dù được sự chăm sóc tận tình nhưng vết thương quá nặng, Trần Quốc Bảo đã qua đời.

Khi ông mất, nhân dân và quân lính đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng ở chân núi Phượng Hoàng. Ngày nay mộ Trần Quốc Bảo hãy còn. Nhân dân còn xây đền thờ ông ngay dưới chân núi Hoàng Tôn thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên.

2. NGUYỄN QUANG BÍCH	*Chưa đặt tên*

Con trai của Tú tài Hán học Nguyễn Quang Khuê - quê ở làng Tiểu Bàng - Thuộc Tổng Đại lộc Phủ Kiến Thụy - Tỉnh Kiến An (nay là Phường Bàng La - Quận Đồ Sơn - Thành phố Hải Phòng). Ra khai hoang lập nghiệp ở làng Đức Hậu - Tổng Tư sinh phủ Kiến Thụy - Tỉnh Kiến An. Vào năm 1908 đỗ cử nhân Hán Học. Năm 1912 được bổ làm giáo Thục huyện Thương Mễ tỉnh Hà Đông (nay là quận Hà Đông - TP. Hà Nội). Sau đó được chuyển về dạy học ở trường Sư Phạm Hà Nội - Đây là người đầu tiên có bằng cấp cao nhất của thời khai hoang Lập ấp, lập Làng. Người thầy đầu tiên của Tổng Tư Sinh.

3. NGUYỄN BÌNH	

Nguyễn Bình (1909-1951), tên thật của ông là Nguyễn Phương Thảo, quê ở Bần, Yên Nhân, tỉnh Hưng Yên. Ông

tham gia Việt Nam quốc dân đảng bị Thực dân Pháp bắt, đày ra Côn Đảo, năm 1936, ông ra tù, về hoạt động tại quê nhà.

Đầu năm 1945, ông về Hải Phòng xây dựng cơ sở cách mạng, mua sắm vũ khí, tập hợp lực lượng. Ngày 8/6/1945, ông chỉ huy đánh các đồn Bí Chợ, Mạo Khê và tuyên bố thành lập chiến khu Đông Triều (ông làm Tư lệnh trưởng). Tháng 7/1945, ông đem quân về chiếm tỉnh lị Quảng Yên (Quảng Ninh), ngày 23/8/1945, dẫn đầu lực lượng từ chiến khu về tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tại thành phố Hải Phòng.

Tháng 10/1945, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh cử vào mặt trận Nam Bộ, giữ chức Ủy viên Ban Quân sự Nam Bộ, trực tiếp làm Tư lệnh. Ông đã có công trong việc thống nhất các lực lượng vũ trang của các giáo phái ở Miền Nam để đánh Pháp.

Tháng 1/1948, ông được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa phong Trung tướng. Ngày 29/9/1951, trên đường ra miền Bắc họp, ông bị giặc phục kích và đã hi sinh. Nhà nước đã truy tặng ông Huân chương Hồ Chí Minh.

4. VŨ ĐÌNH CAN	*Chưa đặt tên*

Vũ Đình Can sinh năm 1935, quê quán phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Nhập ngũ: 1966; thuộc sư đoàn phòng không không quân 370. Trong trận chiến đấu ngày 20/4/1972; máy bay Mỹ điên cuồng bắn phá các trận địa phòng không, bắn phá các cơ sở kinh tế quốc phòng đặc biệt bắn phá, phong tỏa, tiêu diệt các trận địa tên lửa; khi trận địa hết đạn, mặc dù không đúng phiên trực chiến nhưng mặt trận cần đồng chí vẫn dũng cảm lái xe vượt qua mưa bom, bão đạn để vận chuyển tên lửa ra mặt trận; đồng chí đã hy sinh ngày 20/4/1972. Được Nhà nước truy tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" tại Quyết định số 2688/QĐ-CTN của Chủ tịch nước ngày 21/10/2014

5. NGUYỄN ĐỨC CẢNH	*Đã đặt tên*

Nguyễn Đức Cảnh (1908-1932), sinh ngày 2/2/1908 tại thôn Diêm Điền xã Thái Hà, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, trong một gia đình nhà Nho nghèo. Là học sinh trường Thành Chung Nam Định, Nguyễn Đức Cảnh tham gia lãnh đạo thanh niên trong phong trào đấu tranh đòi ân xá Phan Bội Châu và phong trào để tang Phan Châu Trinh nên ông bị đuổi học. Ông lên Hà Nội tìm việc làm và tham gia vào tổ chức Việt Nam quốc dân đảng.

Tháng 9/1927, Nguyễn Đức Cảnh và Lý Hồng Nhật được cử sang Trung Quốc tìm hiểu về Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Nhân dịp này, ông dự lớp huấn luyện chính trị theo chương trình của Nguyễn Ái Quốc, sau đó ông và Lý Hồng Nhật li khai Việt Nam quốc dân đảng, tự nguyện gia nhập Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí hội.

Năm 1928, Nguyễn Đức Cảnh là Ủy viên Kì bộ Thanh niên Bắc Kì phụ trách khu duyên hải, trực tiếp làm Bí thư Tỉnh bộ Hải Phòng (bao gồm cả Kiến An, Hải Dương, Quảng Yên và khu mỏ Hòn Gai – Cẩm Phả). Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương "Vô sản hóa" của thanh niên, Nguyễn Đức Cảnh xin làm thợ tại xưởng Carông. Ông hòa mình với công nhân và hướng dẫn họ đấu tranh.

Ngày 28, 29/3/1929, Kì bộ Thanh niên Cách mạng đồng chí hội họp ở Sơn Tây, có thảo luận thành lập Đảng Cộng sản, cử Tự, Cung, Đính, Tuân đi Hương Cảng họp Đại hội toàn quốc Thanh niên cách mạng đồng chí hội vào ngày 1/5/1929. Nguyễn Đức Cảnh là một trong bảy người tham gia thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở nước ta tại 5Đ Hàm Long (Hà Nội).

Nguyễn Đức Cảnh về Hải Phòng, tổ chức kết nạp và thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Hải Phòng vào đầu tháng 4/1929, trực tiếp làm Bí thư chi bộ. Tiếp đó, Nguyễn Đức Cảnh chọn những hội viên trung kiên kếp nạp vào Đảng và phân công các đảng viên hoạt động tại các cơ sở, nhà máy. Ngày đi làm, tối về Nguyễn Đức Cảnh viết bài cho các báo Đồng lòng, Tranh đấu, Cờ đỏ,...

Ngày 17/6/1929, ông tham gia thành lập Đông Dương cộng sản Đảng tại số nhà 312 phố Khâm Thiên, Nguyễn Đức Cảnh được bầu vào Ban chấp hành Trung ương lâm thời, phụ trách phong trào công nhân, hoạt động tại Hải Phòng và khu mỏ. Tháng 7/1929, Nguyễn Đức Cảnh triệu tập Đại hội đại biểu công hội đỏ Bắc Kỳ, tại Đại hội, Nguyễn Đức Cảnh được bầu làm Tổng Thư ký, Ủy viên Trung ương Đảng. Tháng 8/1929, Nguyễn Đức Cảnh được chỉ định làm Bí thư Ban chấp hành Đông Dương Cộng sản Đảng Đảng bộ Hải Phòng. Năm 1930, Nguyễn Đức Cảnh được chỉ định vào Ban chấp hành Trung ương lâm thời ở Bắc Kỳ. Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Đức Cảnh chuyển Đảng bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Hải Phòng thành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hải Phòng. Cuối năm 1930, Nguyễn Đức Cảnh tham gia Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ, chỉ đạo phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh. Tháng 4/1931, Nguyễn Đức Cảnh bị sa vào tay giặc.

Ngày 17/11/1931, Nguyễn Đức Cảnh và Hồ Ngọc Lân bị thực dân Pháp đưa xuống Hải Phòng đợi thi hành án tử hình. Ngày 31/7/1932, Nguyễn Đức Cảnh và Hồ Ngọc Lân bị địch chém trước đề lao Hải Phòng.

6. LÊ KHẮC CẨN	*Chưa đặt tên*

Lê Khắc Cẩn, tên ông nguyên là Khắc Nghị, khi đi thi mới đổi là Khắc Cẩn, sinh năm 1833 tại làng Hạnh Thị nay là làng Đông Hạnh, xã An Thọ, huyện An Lão, Hải Phòng. Xuất thân trong một gia đình nghèo. Ông bản tính thông minh, đĩnh ngộ, ngay từ nhỏ đã nổi tiếng là thần đồng. Ông là tiến sĩ hán học duy nhất của Hải Phòng thời Nguyễn. Ông thi Hương khoa Ất Mão năm 1855, đậu giải Nguyên trường Nam Định, thi hội khoa Nhâm Tuất (1862) tại Huế, đậu Hoàng giáp. Cuộc đời và thân thế sự nghiệp của ông là tấm gương sáng về tinh thần yêu nước, thương dân, tham liêm. Những năm đầu sự nghiệp, Lê Khắc Cẩn được vua Tự Đức giữ lại làm việc ở những cơ quan gần vua như Viện Tập hiền, Tòa Kinh diên tại Huế. Năm 1866, ông được cử làm tham biện nội các Huế. Những năm sau đó, ông được cử đi Nam Định và trải qua nhiều chức vụ tại đây như Tri phủ, Án sát, Bố chính. Điểm nổi bật của Lê Khắc Cẩn chính là thành tựu văn học ông để lại, với các thể loại chiếu, biểu, văn, thơ, phú,... và cả âm nhạc cung đình, nhiều trước tác của ông hiện còn được lưu giữ tại Viện Hán - Nôm.

7. BÙI MỘNG HOA	*Đã đặt tên*

Bùi Mộng Hoa tên húy là Thành, Mộng Hoa là tên chữ, sinh ngày 15 tháng 3 năm Quý Tỵ (1353), không rõ ngày mất. Ông người trang Hoa Chư, huyện An Lão, nay là thôn Hoa Chử, xã Trường Thành, huyện An Lão. Tổ tiên xa đời vốn là người Châu Ái (Thanh Hóa), cuối đời Lý, nhân loạn di cư đến ở trang Hoa Chử, lấy con gái họ Nguyễn trang này. Đến đời cháu trưởng là Bùi Đĩnh đỗ đạt làm quan đến tước quan nội hầu. Bùi Đĩnh muộn con, tuổi cao mới sinh được Bùi Thành. Bùi Thành từ nhỏ có tiếng nhân từ hiếu nghĩa lại họ giỏi. Năm 26 tuổi đỗ cao, làm quan dưới triều Nghệ Tông, Duệ Tông, Thuận Tông đời Trần, từ chức Học sinh đến Tuyên phủ sử châu Hóa. Khi làm quan, Bùi Mộng Hoa thường cương nghị, thẳng thắn, gặp việc sai trái ông bắt bẻ, tranh biện, không e sợ quyền quý. Khi quân Chiêm xâm phạm bờ cõi, ông tham gia đánh địch, thắng lớn ở Cổ Vô, do đó được thăng Thiêm sự khu mật viện, được ban thực ấp gồm hai trang Hoa Chử, Phương Chử. Sau thấy Hồ Quý Ly lộ rõ ý định muốn cướp ngôi nhà Trần, Bùi Mộng Hoa nhân dịp nhà vua cầu lời nói thẳng đã dâng sớ mượn lời đồng dao tố cáo Quý Ly thâm hiểm định dòm ngó ngôi báu. Thượng hoàng Nghệ Tông đem sớ đó cho Quý Ly xem, Quý Ly rất bực muốn bức hại ông, nhưng lại sợ uy tín Bùi Mộng Hoa. Năm Ất Hợi (1395) thấy Quý Ly tàn sát tôn thất nhà Trần, ông bàn với trung úy Nguyên Chính Đồng trả quan từ chức về quê. Từ đây, Bùi Mộng Hoa mở trường dạy học

8. NGUYỄN KIM	*Chưa đặt tên*

Nguyễn Kim sinh ra và lớn lên tại làng Thạch Lựu, tổng Đại Phương Lang, huyện An Lão, phủ Kinh Môn (nay là thôn Thạch Lựu, xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng). Tổ quán vốn ở Nghệ An. Ông là cha của Nguyễn Chuyên Mỹ và Nguyễn Đốc Tín. Năm 1944, con trai là Nguyễn Chuyên Mỹ đỗ Tiến sĩ khoa Lê Cảnh Thống năm thứ hai, năm 1514 con trai Nguyễn Đốc Tín đỗ Hoàng Giáp nhiên hiệu Hồng Thuận; nhà vua phong tiến sĩ luôn cho Nguyễn Kim vì đã có công dạy bảo hai con. Nguyễn Kim đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ, làm quan thời Mạc, chức Hiến Sát Sứ.

9. NGUYỄN QUANG KHUÊ	*Chưa đặt tên*

Là nhà nho được thờ tại đình Đức Hậu - phường Hợp Đức(Di tích lịch sử cấp Thành phố). Ông sinh năm 1858, quê ở làng Tiểu Bàng, tổng Đại Lộc, phủ Kiến THụy, tỉnh Kiến An (nay là phường Bàng La , quận Đồ Sơn). Năm 1900 ông đỗ tú tài Hán học khoa thi Canh Tý đời Thành Thái. Năm 1907, ông cùng một số người nữa đến khai hoang vừng rừng ngập mặn từ ven đường 14 kéo dài đến làng Kính Trực với diện tích khoảng 600ha. Công cuộc khai khẩn thành công, sau này dân làng tôn thờ ông ở đình Đức Hậu ngày nay.

10. HỒ NGỌC LÂN	*Chưa đặt tên*

Hồ Ngọc Lân (1907-1932), sinh năm 1907 tại Bắc Ninh, ông tham gia vào các phong trào yêu nước sớm, từ những năm 1925-1926. Lúc đầu ông tham gia Quốc dân đảng, năm 1927, ông xin ly khai và tự nguyện gia nhập tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội.

Trong những năm 1928, 1929 Hồ Ngọc Lân về Hải Phòng hoạt động, Hồ Ngọc Lân đã góp phần xây dựng Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở Hải Phòng và một số huyện thuộc tỉnh Kiến An như An Lão, Tiên Lãng,…

Do bị chỉ điểm, Hồ Ngọc Lân đã rơi vào tay thực dân Pháp, chúng đưa ông về Hà Nội, tra tấn và giam vào nhà tù Hỏa Lò. Ngày 31/7/1932, thực dân Pháp đã đưa Nguyễn Đức Cảnh và Hồ Ngọc Lân ra xử tử tại cây đa trước đề lao Hải Phòng. Trước lúc hành quyết, Hồ Ngọc Lân đòi chém không được trói tay, bịt mắt. Thái độ bình tĩnh, hiên ngang của hai ông đã làm cho kẻ thù run sợ. Khi cuộc hành quyết diễn ra, kẻ thù cũng phải cúi đầu chào.

Sự hi sinh của Nguyễn Đức Cảnh và Hồ Ngọc Lân đã để lại bao xúc động trong lòng nhân dân lao động và thợ thuyền Hải Phòng cũng như nhân dân cả nước.

11. THẾ LỮ — *Chưa đặt tên*

Thế Lữ chính tên là Nguyễn Thứ Lễ, sinh tháng 10 năm Đinh Mùi (1907) tại Thái Hà Ấp Hà Nội. Ngay từ tuổi ấu thơ đã theo người nhà đến sống ở Lạng Sơn. Đến năm 11 tuổi (1918), đến sinh sống ở thành phố Hải Phòng. Từ năm 1925 đến năm 1928 Thế Lữ học ở trường Bonnal Hải Phòng (nay là trường trung học Ngô Quyền). Ông học đến năm thứ ba ban Thành Chung thì thôi học, lên Hà Nội học trường Mỹ Thuật, nhưng chỉ được một thời gian ngắn, lại bỏ để đi theo sở thích riêng là sáng tác thơ, văn và cuối cùng là viết và diễn kịch.

Những năm còn đi học ở trường Bonnal, được tiếp xúc với những thầy giáo, học sinh yêu nước, tiến bộ, Nguyễn Thứ Lễ hăng hái tham gia các phong trào yêu nước như: Để tang Phan Chu Trinh, đòi thả Phan Bội Châu và gia nhập tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, cùng sinh hoạt trong chi bộ ghép với Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Thị Hiền, ... là bạn và đồng chí thân thiết với Nguyễn Văn Cúc (Nguyễn Văn Linh Nguyên Tổng Bí thư ban chấp hành trung ương Đảng khoá VI (1986 1991) đến năm 1930 khi 'Thanh niên' chuyển thành Đảng cộng sản, Anh thành thật nói với đồng chí Nguyễn Văn Linh, anh vẫn tán thành lý tưởng cách mạng, nhưng vì gia đình theo công giáo, anh không thể gia nhập Đảng. Ít năm sau, anh đã trở thành nhà thơ Thế Lữ mở đường cho Thơ mới...

Thế Lữ cũng là một người sáng lập ra Tự lực văn đoàn, tham gia viết báo ở trong ban biên tập các tờ báo nổi tiếng đương thời: Phong hoá, Ngày nay, Tinh hoa. Sự nghiệp thành đạt đầu tiên của Thế Lữ là đã có công 'mở đường' cho trào lưu thơ mới. Năm 1935 ông đã xuất bản tập Mấy Vần Thơ trong đó có những bài thơ nổi tiếng 'Nhớ rừng', 'Tiếng sáo Thiên thai', 'Cây đàn muôn điệu'... đã lôi cuốn được rất nhiều thanh niên, kể cả những người sau này thành danh như Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Đình Thi... Từ những năm 40, hai nhà phê bình thơ văn Việt Nam nổi tiếng là Hoài Thanh và Hoài Chân đã đánh giá Độ ấy thơ mới vừa ra đời, Thế Lữ như vừng sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam, nhưng ông vẫn rất khiêm tốn.

Ngay sau đó Thế Lữ lại mở đầu cuộc khai phá lĩnh vực viết tiểu thuyết trinh thám ở Việt Nam. Từ Hải Phòng tác giả đã viết những tác phẩm nổi tiếng một thời 'Vàng và máu', 'Bên đường Thiên lôi' 'Gói thuốc lá' v.v. Sau này tập truyện ngắn chọn lọc của ông xuất bản, Nhà xuất bản Văn học Việt Nam đã đánh giá 'Người đọc nhận thấy rất

rõ ông là người có tài quan sát có óc phân tích sắc sảo và có trí tưởng tượng hết sức phong phú'.

Đặc biệt, kịch nói là lĩnh vực nghệ thuật mà Thế Lữ đã từng dồn nhiều tâm lực trau dồi và cũng thành đạt nhất. Ngay từ năm 1920, Thế Lữ đã tập hợp được nhiều nghệ sĩ tài hoa, chuẩn bị lập ban kịch, đã có các vở kịch như: Vỡ lọ vàng, công diễn ở sân khấu Hải Phòng, rồi Hà Nội. Năm 1942 Ban kịch Thế Lữ ra đời được xem là 'Ban kịch qui mô đầu tiên của kịch nói Việt Nam' đã tập hợp nhiều nghệ sĩ có tên tuổi ở Hải Phòng, Hà Nội: Lê Đại Thanh, Phạm Văn Khoa, Minh Trâm, Phạm Văn Đôn, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Tuân, Song Kim (Phạm Thị Nghĩa) v.v.. để thực hiện ước vọng dần dần tạo dựng được một sân khấu kịch nói Việt Nam'. Năm 1945 trên đường đi biểu diễn ở các địa phương phía Nam, thì cách mạng tháng Tám thành công, Thế Lữ và Ban kịch Anh Vũ đã mau lẹ chuyển hướng về nội dung biểu diễn, phù hợp với hoàn cảnh mới. Trên sân khấu các nghệ sĩ lập bàn thờ tổ quốc, mở đầu bằng bài Tiến quân ca, diễn những vở kịch lịch sử ca ngợi tinh thần yêu nước, bất khuất của những trang oanh liệt: Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Quang Trung v.v.

Trong kháng chiến chống Pháp, từ năm 1948, Hội Văn nghệ Việt Nam được thành lập Thế Lữ - Song Kim là trụ cột trong Ban sân khấu, rồi Đoàn kịch Chiến Thắng, đi biểu diễn khắp các nẻo đường Tuyên Quang, Phú Thọ, Thái Nguyên Theo bước chân của các đơn vị bộ đội... dựng sân khấu ngay ở gần hoả tuyến, trước giờ bộ đội xuất kích, hay sau một trận công đồn... diễn viên và khán giả gắn bó thân mật hoà hợp. Giữa sân khấu và cuộc đời không có gì cách bức nữa.

Hoà bình lập lại, Thế Lữ trở thành Chủ tịch đầu tiên của Hội sân khấu Việt Nam, song ông vẫn tiếp tục sự nghiệp đạo diễn nhiều vở kịch với quy mô lớn hơn, với phong cách làm việc: 'Đòi hỏi rất nghiêm về nghề nghiệp, và cách làm việc ân cần, kiên nhẫn, tỉ mỉ của nhà nghệ sĩ bậc thầy đối với từng anh em diễn viên'. Với thành phố Cảng, Thế Lữ và những người thân thiết của ông như Song Kim (vợ), Nguyễn Đình Nghi (con trai) đều có một tình cảm đặc biệt, một sự giúp đỡ to lớn trên lĩnh vực sân khấu.

Năm 1989, Thế Lữ qua đời ở thành phố Hồ Chí Minh, để lại lòng tiếc thương vô hạn đối với giới văn nghệ sĩ, tri thức và nhân dân ta. Đúng như Bộ trưởng Bộ văn hoá thông tin Nguyễn Khoa Điềm nói nhân ngày mừng thọ 85 tuổi nghệ sĩ nhân dân Song Kim (Ngày 14/4/1997) 'Những người hoạt động văn hoá văn nghệ chúng ta rất tự hào vì đã có những nghệ sĩ tài năng như Song Kim và bên canh Song Kim còn có cây đại thụ nữa, đó là Thế Lữ người bạn đời và bạn nghề của người đã hợp sức xây dựng nền sân khấu Việt Nam hiện đại và giàu bản sắc dân tộc. Những đồng nghiệp của Song Kim gọi cặp Song Kim Thế Lữ là hai thỏi vàng hiếm hoi, quí giá'.

12. ĐỖ MƯỜI	*Chưa đặt tên*

Đồng chí Đỗ Mười (tên khai sinh là Nguyễn Duy Cống), sinh ngày 02/02/1917; quê quán: Xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Thường trú tại số nhà 11, phố Phạm Đình Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1936; vào Đảng tháng 6/1939. Năm 1941, đồng chí bị thực dân Pháp bắt, kết án 10 năm tù, giam ở Nhà tù Hà Đông và Nhà tù Hoả Lò, Hà Nội. Năm 1945, đồng chí vượt ngục Hoả Lò, tham gia lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Hà Đông. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí làm Bí thư Tỉnh uỷ Hà Đông. Sau đó lần lượt làm Bí thư các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Hòa Bình.

Năm 1950, đồng chí làm Phó Bí thư Liên Khu uỷ, kiêm Phó Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Liên khu III, Chính uỷ kiêm Tư lệnh Liên khu III. Năm 1951 - 1954, đồng chí làm Bí thư Khu uỷ khu Tả Ngạn Sông Hồng, kiêm Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Hành chính và Chính uỷ Quân khu Tả Ngạn Sông Hồng. Năm 1955, đồng chí chỉ đạo tiếp quản Khu 300 ngày, Bí thư Thành uỷ kiêm Chủ tịch Uỷ ban Quân chính thành phố Hải Phòng. Tháng 3/1955, đồng chí được bầu bổ sung Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Từ năm 1956, đồng chí giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Chính phủ. Đồng chí là Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II; Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khoá III, IV, V, VI, VII, VIII; Uỷ viên Bộ Chính trị dự khuyết khoá IV; Uỷ viên Bộ Chính trị các khoá V, VI, VII, VIII; Thường trực Ban Bí thư khoá VI; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ tháng 6/1988 đến tháng 6/1991); Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ tháng 6/1991 đến tháng 12/1997). Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ năm 1997 đến năm 2000). Đại biểu Quốc hội các khoá II, IV, V, VI, VII, VIII và IX.

Do có nhiều công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng; Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

13. HOÀNG THỊ NGHỊ	*Chưa đặt tên*

Bà Hoàng Thị Nghị (1928-2018). Bí danh: Năm Hà, được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1977. Quê quán phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Được trưởng thành trong chiếc nôi cách mạng, sớm kế thừa truyền thống của quê hương Đồ Sơn anh hùng, truyền thống cách mạng của gia đình nên bà đã sớm có tinh thần giác ngộ cách mạng, với lòng yêu nước nồng nàn, và lòng căm thù giặc sâu sắc. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Đảng và lời hiệu triệu của Bác Hồ muôn vàn kính yêu. Khi vừa tròn

16 tuổi bà tham gia vào đội cứu thương bộ đội địa phương. Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng từ năm 1947-1975, bà đã có rất nhiều cống hiến cho cách mạng Việt Nam. Giai đoạn từ năm 1947- 1955 được giao các nhiệm vụ làm trưởng Ban cán sự tại Huyện Kiến Thụy và Trung đội phó tại Cục định vận Tổng cục chính trị. Giai đoạn từ năm 1955-1975 được phân công vào miền Nam hoạt động, giao các nhiệm vụ quan trọng: Đội phó Đội công tác Nội tuyến Trung ương Cục Miền Nam; Đội trưởng đội công tác giao liên, Phó bí thư Chi bộ cơ quan Nội tuyến Binh vận Trung ương Cục Miền Nam; Phó Bí thư chi bộ của Đội triển khai Nghị quyết Ban binh vận Trung ương tại Miền Nam; Đội trưởng đội công tác điều chỉnh cán bộ nội tuyến phụ trách các đầu mối sỹ quan, công chức Ngụy quân, Ngụy quyền thuộc Ban binh vận Trung ương Miền Nam.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, bà đã 2 lần bị địch bắt tù đày tại Nhà tù tại Thủ Đức và nhà tù Côn Đảo. Không còn một cực hình tra tấn dã man nào của địch mà đồng chí không nếm trải, từ roi điện, rùi nung đến giam cầm trong chuồng cọp, đau đớn nhất chúng đã cướp đi quyền làm mẹ, niềm hạnh phúc thiêng liêng nhất của người phụ nữ. Nhưng với lòng kiên trung bất khuất của người chiến sỹ cách mạng càng trong đau khổ tù đày, càng vững vàng khí tiết. Trong quá trình bị giam cầm tại các nhà tù, đồng chí luôn là người phát động những cuộc đấu tranh, từ việc chống lại Nội quy nhà tù đến vận động tuyệt thực, đấu tranh chống đi tòa xử án. đồng chí được tín nhiệm bầu giữ chức vụ Chi ủy viên của Phòng giam.

Đến tháng 4 năm 1975 sau khi giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước bà được trả tự do. Từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 2 năm 1976 bà được Nhà nước cho đi trị bệnh ở trong nước và tại nước bạn Bun – Ga - Ri, tháng 3 năm 1976 sau khi trở về nước đồng chí được cử đi học lớp Trung Cao cấp tại trường Nguyễn Ái Quốc, sau khi hoàn thành xuất sắc khóa học tháng 8 năm 1977 đồng chí được điều động về công tác tại Hải Phòng giữ chức vụ Phó giám đốc Sở Thương binh - Xã hội Thành phố.

Với những cống hiến và công lao của mình, bà đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương độc lập Hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ Hạng Nhất, Huân chương Quân công Hạng Ba, Huy chương chiến thắng Hạng Nhất, Kỷ niệm chương, chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy, Huy chương vì sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân tộc, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng.

14.TRẦN QUỐC NGHIỄN	*Chưa đặt tên*

Hưng Trí Vương Trần Quốc Nghiễn, tên hiệu là Thiên Hộ, con trai út của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, đã có công cùng với cha anh tham gia cuộc đại chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288 đánh đuổi giặc xâm lược Nguyên – Mông.

Trong chiến dịch Bạch Đằng năm 1288 có rất nhiều trai tráng làng Chung Mỹ (xã Trung Hà huyện Thủy Nguyên) hăng hái gia nhập đội quân do Trần Quốc Nghiễn chỉ huy. Đồng đất Chung Mĩ trở thành quen thuộc với Hưng Trí Vương khi nơi đây trở thành căn cứ hậu phương của quân đội nhà Trần như nơi đặt trạm cứu thương mà dấu vết vẫn còn để lại đến ngày nay là cánh đồng Mả Quan. Ngay sau khi đất nước sạch bóng quân xâm lược, Hưng trí Vương đã trở lại vùng đất trang Chung Mỹ huyện Thủy Đường. Nhận thấy nơi đây còn nhiều đất trống (cũng có một số tài liệu ghi vùng đất Chung Mỹ, thời Trần là ấp phong của triều đình cho Hưng Trí Vương Trần Quốc Nghiễn), Vương liền chiêu mộ thêm dân đến khai khẩn, lập thành trang trại có quy mô rộng lớn. Từ đó, cuộc sống của nhân dân ngày càng trở nên no ấm. Khi Vương qua đời, tri ân công đức, nhân dân địa phương đã lập đền thờ, suy tôn là thành hoàng làng. Lúc mới dựng, đình có tên là đền Hiển Linh. Đến thời Nguyễn, đình được ghi vào trong sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn với tư cách là một cổ tích của xứ Hải Dương xưa.

Trải qua binh lửa chiến tranh, đình Chung Mỹ đã nhiều lần được tu sửa. Trước năm 1938, đình còn giữ được 8 sắc phong của các đời vua Cảnh Thịnh 1 (1792) Thiệu Trị 6 (1845) Tự Đức 3 (1850) và 33 (1880), Đồng Khánh 2 (1887) Duy Tấn (1909) và Khải Định 9 (1924). Di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia.

15.HOÀNG NGỌC PHÁCH	*Đã đặt tên*

Hoàng Ngọc Phách (1896-1973) người làng Đông Thái, xã An Đồng, tổng Việt An, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; tên húy là Tước, biệt hiệu Song An. Xuất thân trong một gia đình có truyền thống hiếu học, yêu nước. Năm 1911, ông bắt đầu học chữ Pháp. Năm 1912, học trường tiểu học phố Hàng Vôi, Hà Nội. Năm 1913 đỗ bằng khoá sinh. Năm 1914 đỗ tiểu học Pháp Việt và thi trúng vào trường Bưởi. Năm 1918, ông đã cùng bạn bè bãi khoá phản đối lệnh độc tài hung hãn, chống kỷ luật khắt khe làm nhục học sinh bản xứ. Năm 1916, Hoàng Ngọc Phách đã trúng giải 8 trong 20 giải cuộc thi thơ do Ban Quản trị rạp Sán Nhiên Đài tổ chức. Năm 1919, ông trúng tuyển vào trường Cao đẳng sư phạm (Ban văn chương. Năm cuối khoá đã hoàn thành tiểu thuyết Tố Tâm). Với tác phẩm này, ông là người mở đầu cho nền tiểu thuyết hiện đại nước ta.

Năm 1922, ông dạy tại Nam Định, ba năm sau chuyển về Hà Nội làm Tổng thư ký trường Cao đẳng sư phạm. Do có liên quan đến phong trào để tang Phan Chu Trinh, đòi thả Phan Bội Châu, ông bị đổi xuống Kiến An rồi xin chuyển sang dạy ở trường Cao đẳng tiểu học Bonnan (Bonnal) Hải Phòng. Khi dạy, ông thường tận dụng cơ hội để đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân văn của văn học truyền thống dân tộc chống lại xu hướng đề cao quá mức văn hoá Âu Tây, coi thường văn hoá bản xứ. Vì thế, ông không được tiếp tục phụ trách môn văn vốn là

sở trường mà phải dạy Pháp văn và Lịch sử. Nhưng qua dạy văn học Pháp ông vẫn liên hệ so sánh giúp học sinh hiểu rõ cái hay, cái đẹp của tiếng Việt, giá trị của truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm, thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương... Còn dạy sử Việt Nam bằng tiếng Pháp, ông thường kín đáo, khéo léo giúp học sinh thấy những chỗ sai sự thật những sự kiện, nhân vật nhằm đề cao Công ơn khai hoá của thực dân. Nhiều học sinh trường Bonnan ngày ấy đến nay vẫn còn nhớ những bài giảng sâu sắc có nhiều phát hiện của thầy Phách, còn nhớ hình ảnh nhà giáo mẫu mực trong giảng dạy, giáo dục, sinh hoạt. Lúc dạy học ở Hải Phòng, Hoàng Ngọc Phách còn làm Hội trưởng hội Trí Tri Hải Phòng. Ông thường tổ chức những buổi diễn thuyết, tổ chức đội kịch mà đạo diễn, diễn viên là thầy trò trường Bonnan. Số tiền thu được của các buổi biểu diễn thường dùng vào việc từ thiện. Những vở Lọ vàng, Bạn và vợ, ông Tây An Nam... do thầy trò trường này diễn ngày ấy có tiếng vang thu hút nhiều khán giả. Thế Lữ và một số nghệ sĩ đã trưởng thành trong ngành nghệ thuật sân khấu cũng bắt đầu từ môi trường văn nghệ trường Bonnan và Hội Trí Tri Hải Phòng dưới sự dìu dắt của thầy Phách. Ngày ấy nhiều học sinh Bonnan tích cực tham gia phong trào yêu nước chống Pháp được thầy Phách kín đáo giúp đỡ. Khi Xô Viết Nghệ Tĩnh bị đàn áp, một số họ hàng có tham gia bị truy lùng cũng trốn ra ẩn lánh ở nhà ông được ông bà giúp đỡ. Do đó mật thám Hải Phòng nhiều lần gọi ông lên sở cẩm Hải Phòng; có lần chúng khám nhà, may không tìm được gì, nhưng chúng vẫn nghi ngờ.

Năm 1931, ông phải lên dạy học ở trường Cao đẳng tiểu học Lạng Sơn. Năm 1935, đổi về dạy học ở Bắc Ninh cho đến Tổng khởi nghĩa. Thời gian dạy ở Bắc Ninh ông tham gia tổ chức Hội Khuyến học, Hội Truyền bá quốc ngữ tỉnh và giữ chức Hội trưởng hai tổ chức xã hội này. Sau cách mạng tháng Tám đến năm 1959, Hoàng Ngọc Phách vẫn liên tục phục vụ trong ngành giáo dục với nhiều trọng trách: Giám đốc học khu Bắc Ninh kiêm Hiệu trưởng trường trung học Hàn Thuyên, Giám đốc giáo dục chiến khu 12, Liên khu 1, Giám đốc Cao đẳng sư phạm Trung ương, Thanh tra học vụ toàn quốc, Hiệu trưởng trường phổ thông cấp 3 Phan Đình Phùng, rồi về ban tu thư Bộ Giáo dục, tham gia nhóm nghiên cứu Lê Quý Đôn. Năm 1959 chuyển sang Viện văn học làm công tác nghiên cứu cho đến năm 1963 nghỉ hưu. Có thể nói toàn bộ cuộc đời Hoàng Ngọc Phách gắn với nghề dạy học mà ông đã yêu thích từ khi thi tuyển vào Cao đẳng sư phạm, mặc dù lúc ấy nhiều bạn bè thích chọn học luật để ra làm quan, nhiều người khuyên ông thi vào trường Luật mà sức học của ông giỏi đều các môn, trừ môn nhạc, có khả năng thi đậu vào các trường Cao đẳng ở Hà Nội ngày ấy. Nhưng ông vẫn chọn ngành sư phạm và tận tuỵ với nghề suốt đời, kể cả việc nghiên cứu văn học của ông cũng phục vụ đối tượng là giáo viên, học sinh. Ông thường được giao nhiệm vụ cán bộ quản lý, nhưng khi ở trường ông vẫn tham gia dạy học với sự tìm tòi khám phá nên giờ giảng của ông luôn cuốn hút học sinh. Tuy dậy ở Kiến An - Hải Phòng không lâu mà nhiều học trò cũ của ông ở

đây vẫn nhớ nhiều bài giảng Pháp văn, Việt văn, Lịch sử của ông. Họ nhớ cả đạo đức, tác phong của nhà sư phạm không nghiện thuốc lá, trà tầu, thuốc phiện, không đi hát à đào... Gia đình nặng gánh mà vẫn cưu mang giúp đỡ học trò nghèo.

Dưới chính thể mới ông có tham gia Hội đồng nhân dân, Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Ninh, khoá đầu, Uỷ ban Liên việt khu, Ban chấp hành công đoàn ngành Giáo dục. Ông Trường Chinh, học sinh cũ, khi đến viếng tang đã nói: Cụ là một nhà văn yêu nước và cách mạng. Cụ đã sống một cuộc đời trong sạch, đã đào tạo nên nhiều thế hệ thanh niên yêu nước và làm cách mạng. Hồi đó thì cụ chỉ có thể làm được như vậy thôi.

16. ĐẶNG XUÂN THIỀU

Chưa đặt tên

Đặng Xuân Thiều, sinh năm 1909, tại Hành Thiện (nay là xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định), trong một gia đình nhà Nho yêu nước, bố là một chiến sĩ của phong trào văn thân. Ông gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hải Phòng, đi tiên phong trong phong trào "vô sản hóa" ở Hải Phòng (các hãng đóng tàu Sô-va, nhà máy Quảng Sinh Long, nhà máy Ca-rông...) và trở thành đảng viên của Đông Dương Cộng sản Đảng, là Ủy viên Thành ủy Hải Phòng từ tháng 4/1930, phụ trách Ủy ban Tranh đấu của Thành ủy. Ngày 23-11-1930, ông bị Thực dân Pháp bắt và đày ra Côn Đảo. Năm 1936, do thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, ông được tha và tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1939, ông lại bị Thực dân Pháp bắt và kết án tù chung thân. Trong thời gian bị giam cầm, ông làm thơ và có những bài thơ rất nổi tiếng đại diện cho dòng thơ hết sức đặc biệt của chiến sĩ cách mạng trong ngục tù đế quốc.

Sau Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống Pháp ông công tác trong ngành tư tưởng, văn hóa. Hòa bình lập lại, ông giữ chức Bí thư Đảng Đoàn Bộ Văn hóa, Giám đốc Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, cho đến khi qua đời vào năm 1965, thọ 57 tuổi.

Năm 1978, tập thơ Đặng Xuân Thiều được xuất bản gồm 68 bài, trong đó có 65 bài ông viết trước Cách mạng tháng Tám 1945 đã được Nhà xuất bản Văn học xuất bản. Hơn một nửa số bài thơ ông viết tại Hải Phòng và viết về con người và sự kiện của đất Hải Phòng suốt những năm 1928-1945. Thơ ông trước hết là thơ của người thanh niên yêu nước giác ngộ về sứ mệnh cao cả của giai cấp công nhân trước vận mệnh của dân tộc và sự nghiệp cách mạng của Đảng mà ông tự nguyện dấn thân. Hàng loạt các bài thơ như: Trả lời cha, Người thợ, Sốt ruột, Thất nghiệp, Xóm Lạc Viên, Thăm xóm chài ở Đồ Sơn, Bãi công ở Hải Phòng, Vô sản diễn ca... đã phản ánh khí thế vô sản hoá của các chiến sĩ Hải Phòng, khí thế sôi sục của cao trào cách mạng của công nhân, nhân dân thành phố trong những năm 1930-1931. Mảng thơ ông viết khi bị địch bắt tù đầy gồm 17 bài và mảng thơ giữa những đợt đi tù về gồm 33 bài. Đây là những bài thơ đặc sắc hơn về nghệ

thuật, như các bài: Cố hương, Chiều Bạch Đằng, Tổ quốc, Khúc hát Bạch Đằng, Em gái mù, Ngẫm nghĩ, Đọc truyện Kiều cảm tác, Tiễn đưa... Thơ ông thấm đẫm đời sống giai cấp cần lao Hải Phòng, lung linh một tấm lòng nhân hậu, cao đẹp của người chiến sỹ Cộng sản.

Đặng Xuân Thiều là nhà cách mạng và nhà văn hóa nổi tiếng của cả nước, trong đó đóng góp tiêu biểu nhất của ông là trên địa bàn thành phố Cảng Hải Phòng. Do đó tên của ông hoàn toàn xứng đáng được đặt cho một đường phố của thành phố Hải Phòng.

17.MAI TRUNG THỨ	*Đã đặt tên*

Mai Trung Thứ (1906-1980) quê làng Do Nha, huyện An Dương, tỉnh Kiến An (cũ), này là xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Ông được sinh ra tại Hà Nội, lớn lên học trường Bảo Hộ (trường Bưởi – nay là trường PTTH Chu Văn An). Năm 1925, ông thi vào Khóa I, trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Trong những năm theo học, ông đã tham gia nhiều cuộc triển lãm tranh tại Hà Nội và Sài Gòn, ban đầu là tranh sơn dầu, sau chuyển sang tranh lụa vẽ về con người và cảnh vật bằng chất liệu màu tươi sang.

Năm 1930, sau khi tốt nghiệp, ông được bổ nhiệm dạy vẽ tại trường Quốc học Huế. Tranh của ông trưng bày tại nhiều nước trên thế giới như Italya, Bỉ, Mỹ, Pháp. Năm 1936, ông quyết định sinh sống tại nước Pháp.

Năm 1945, 1946 ông đã làm và gửi về nước bộ phim tài liệu ông quay tại Pháp về sự hưởng ứng của kiều bào Pháp với phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trong nước với nhan đề "Sức sống của 25.000 kiều bào tại Pháp". Năm 1946, ông tham gia ghi lại những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Phạm Văn Đồng tại cuộc đàm phán với Chính phủ Pháp. Năm 1974, ông về thăm Việt Nam và nhận được sự chào đón nồng nhiệt của Chính phủ và văn nghệ sĩ. Năm 1980, ông qua đời vì bệnh tim, hưởng thọ 75 tuổi.

18. TRẦN TUNG	*Chưa đặt tên*

Hưng Ninh vương Trần Tung, hiệu là Tuệ Trung thượng sĩ, người có công lớn trong quá trình hình thành dòng thiền Đại Việt (Trúc Lâm. Sách Tam tổ thực lục chép:"*Nhân Tông tham khảo những yếu chỉ của Tuệ Trung Thượng Sĩ, thu lượm được nhiều tinh hoa của đạo Thiền, nên vẫn thờ Tuệ Trung là thầy". Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Tung là con cả của An Sinh Vương Trần Liễu, mẹ là Thiện Đạo phu nhân Lý Thị Nguyệt. Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Tung là anh cả của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái Hậu (mẹ vua Trần Nhân Tông).*

Trần Quốc Tung là bậc danh thần lỗi lạc, đã nhiều lần làm sứ giả đến trại giặc nghị hòa, để do thám động tĩnh Tổng hành dinh của tướng giặc Thoát Hoan. Hưng Ninh Vương Trần Quốc Tung là học trò của Thiền sư Tiêu Dao, nhưng không xuất gia, thường được vua Trần Thánh Tông mời vào cung đàm đạo với các bậc cao tăng. Thánh Tông tôn Ngài làm sư huynh và ban hiệu Thượng Sĩ Tuệ Trung". Ở làng Dưỡng Chính (xã Chính Mỹ, huyện Thuỷ Nguyên) hiện còn dấu tích của Tịnh thất Dưỡng Chân, nơi tu hành của Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Tung. *"Năm 1237, vua Trần Thái Tông đã đem đất 5 xã cấp cho Trần Liễu làm ấp thang mộc. An sinh Vương Trần Liễu đã giao cho Hưng Ninh Vương Trần Quốc Tung cai quản thái ấp Yên Dương. Dưỡng Chân vốn là đất thang mộc của An Sinh Vương Trần Liễu, thân phụ của Hưng Ninh Vương Trần Quốc Tung, địa danh xưa là Yên Dưỡng. Tịnh thất Dưỡng Chân, nơi đây, Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông nhiều lần về thăm, tham vấn kế sách giữ nước, đàm đạo về Phật pháp và thế sự với Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Tung. Tuệ Trung Thượng Sĩ được vua Trần Thánh Tông rất kính trọng và tin tưởng ký thác kèm cặp Thái tử Trần Khâm (Trần Nhân Tông). Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Tung giảng dạy Phật pháp cho Trần Nhân Tông từ khi còn nhỏ. Nhờ đó, thời Trần, đạo Phật phát triển sâu rộng trên đất Thủy Nguyên. Nhân dân các làng xã dốc tâm xây dựng, tôn tạo chùa chiền khang trang. Tiêu biểu là Tĩnh thất Dưỡng Chân, chùa Linh Sơn (Mỹ Cụ), chùa Linh Phúc (Nhân Lý), chùa Hàm Long (Thường Sơn), chùa Thiên Vũ (Phù Lưu), chùa Ngọc Hoa (Phương Mỹ), chùa Phùng Hưng (Đồng Lý), chùa Đông Trúc và chùa Tây Trúc (thị trấn Minh Đức), chùa Cổ Gia (Gia Đước), chùa Hoa Linh (Thiểm Khê)... Tín đồ Phật tử và nhân dân Thủy Nguyên luôn một lòng hướng về cõi thiêng Yên Tử, nguyện cầu "Quốc thái dân an, thiên hạ thái bình".* Hầu hết các vị Sư Tổ trụ trì hệ thống cổ tự ở Thủy Nguyên trưởng thành từ các sơn môn nổi tiếng ở Đông Triều, Chí Linh, Kinh Môn, Kim Thành… Theo cổ lệ, mùa Xuân hằng năm, chùa Linh Sơn (Mỹ Cụ) bao giờ cũng khai hội trước chùa Yên Tử. Chùa Mỹ Cụ chính hội là mồng 6 tháng Giêng, chùa Yên Tử khai hội mồng 10 tháng Giêng. Dân gian quan niệm rằng các tín đồ Phật tử muốn đi trẩy hội Xuân Yên Tử thì trước đó phải tham dự hội chùa Linh Sơn thì mới đắc lễ, đắc bái.

19.LƯƠNG KHÁNH THIỆN	*Đã đặt tên*

Lương Khánh Thiện (1903-1941), ông sinh năm 1903 trong một gia đình nông dân ở thôn Mễ Tràng, xã Liêm Chính, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Năm 19 tuổi, Lương Khánh Thiện rời quê ra Hải Phòng tìm việc làm sau đó học trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng.

Năm 1925, Lương Khánh Thiện đã tham gia viết đơn đòi ân xá cụ Phan Bội Châu bằng tiếng Pháp gửi toàn quyền Varen. Sau việc này, ông và một số học sinh bị đánh đập, đuổi học, bị bắt, Lương Khánh Thiện đã bàn với một số anh em tổ chức bãi khóa, đòi trả tự do cho những người bị Pháp bắt, đòi giám thị xin lỗi học sinh,…

Năm 1926, Lương Khánh Thiện làm thợ nguội ở nhà máy dệt Nam Định. năm 1927, Lương Khánh Thiện được kết nạp vào Thanh niên Cách mạng đồng chí hội và bị bọn chủ đuổi khỏi nhà máy. Năm 1928, Lương Khánh Thiện trở lại Hải Phòng tìm việc làm và bắt mối hoạt động. Ông xin vào nhà máy Tơ làm thợ sửa chữa máy.

20. NGUYỄN ĐỐC TÍN	*Chưa đặt tên*

Nguyễn Đốc Tín sinh ra và lớn lên tại làng Thạch Lựu, tổng Đại Phương Lang, huyện An Lão, phủ Kinh Môn (nay là thôn Thạch Lựu, xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng). Tổ quán vốn ở Nghệ An. Năm 1514 con trai Nguyễn Đốc Tín đỗ Hoàng Giáp nhiên hiệu Hồng Thuận, làm quan tới chức Thượng Thư, tước hầu.

21. ĐOÀN THƯỢNG	*Chưa đặt tên*

Đoàn Thượng người làng Xuân Độ huyện Gia Phúc nay là huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương. Ông là con bà vú sữa của Thái tử Sảm nhà Hậu Lý. Thái tử sau khi lên làm vua (tức Lý Huệ Tông) cho Đoàn Thượng làm quan, có lúc trấn thủ miền ven biển xứ Đông. Thấy cửa sông vùng này gần hơn và thuận đường thủy vào đất liền, ông cho lập đồn phòng thủ và cấm không cho thuyền ngoại quốc qua lại lối sông Cấm, sông Bạch Đằng. Có thuyết nói tên sông cửa Cấm bắt nguồn từ đó. Khi làm quan trấn thủ vùng này, ông giúp dân khai khẩn ruộng hoang, đắp đê ngăn mặn nên diện tích được mở rộng. Thần tích một số xã như Đoàn Xá Kiến Thụy, Đoạn Xá An Hải, đều ghi công ơn khai khẩn đất đai của ông. Khi Trần Thủ Độ lập mưu ép Lý Chiêu Hoàng phải nhường ngôi vua cho chồng là Trần Cảnh và ám hại Lý Huệ Tông, Đoàn Thượng đem quân chiếm xứ Đông, đắp đồn lớn ở Bần Yên Nhân để chống lại Trần Thủ Độ. Lúc ấy ở làng Phù Đổng cũng có Nguyễn Nộn nổi lên chống lại nhà Trần, thế lực khá mạnh. Biết chưa thể tiêu diệt được Đoàn Thượng và Nguyễn Nộn nên nhà Trần đã phong vương cho cả hai, mời về Thăng Long hội thề. Nhưng Đoàn Thượng không đến, chỉ có Nguyễn Nộn đến, được vua Trần phong tước Hoài Đạo vương lại đem công chúa Ngoạn Thiền gả cho, sai trấn thủ miền Từ Sơn, Tiên Du Bắc Ninh ngày nay. Theo kế của Trần Thủ Độ, Nguyễn Nộn lập mưu mời Đoàn Thượng đến ăn thề kết nghĩa anh em. Nhưng

Đoàn Thượng đến thì Nguyễn Nộn chỉ huy quân mai phục vây đánh bất ngờ nên Đoàn Thượng bị tử thương, chạy về xứ Đồng Dao thì mất. Tướng sĩ và nhân dân đã an táng ông ở nơi đây.

Nhớ ơn ông, ở quê hương, ở quân doanh Bần, Yên Nhân và nhiều nơi khác đều lập đền thờ. Các triều đại phong là Đông Hải đại vương thượng đẳng thần. Ở Hải Phòng, ngoài làng Cấm quê vợ ông và cũng là nơi ông đặt đồn canh biên phòng thì ở tất cả các huyện đều có nhiều nơi thờ.

22.BÙI VIỆN	*Chưa đặt tên*

Thời nhà Nguyễn, Bùi Viện được nhà vua Tự Đức tiến cử đã thực hiện việc xây dựng một bến cảng bên cửa sông Cấm mang tên Ninh Hải và một căn cứ phòng ngự bờ biển ở liền kế bên gọi là "Nha Hải Phòng sứ". Sau đó tại cảng Ninh Hải này nhà Nguyễn và Pháp đã lập ra cơ quan thuế vụ chung quản lý hoạt động thương mại ở vùng này, cảng này gọi là "Hải Dương Thương Chính Quan Phòng". Từ đây tên gọi Hải Phòng chính thức được nhắc đến.

Năm 1887 Pháp tách một số huyện ven biển của tỉnh Hải Dương nằm lân cận cảng Ninh Hải ra để thành lập tỉnh Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 1888, tổng thống Pháp Sadi Carnot ký sắc lệnh thành lập thành phố Hải Phòng - thành phố Hải Phòng chính thức có tên trên bản đồ Việt Nam và Liên bang Đông Dương.

Dưới thời Pháp thuộc cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 về mặt hành chính thành phố Hải Phòng là một nhượng địa nên thuộc quyền thực trị của Pháp. Thời kỳ này Hải Phòng là thành phố cấp I cùng với Hà Nội, Sài Gòn đồng thời là hải cảng lớn nhất xứ Bắc kỳ - đầu mối giao thông quan trọng trên đường hàng hải quốc tế và là trung tâm công nghiệp. Hải Phòng trở thành một trong những cái nôi đánh dấu sự ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam, một trong những trung tâm phong trào cách mạng cả nước (1930-1931); (1936-1939); (1939- 1945).

23. NGUYỄN XIỂN	*Đã đặt tên*

Nguyễn Xiển sinh ngày 27 tháng 7 năm 1907 tại Nghệ An. Xuất thân từ một gia đình nho học lâu đời. Ông từng học ở trường Quốc học Vinh (Nghệ An), trường Bưởi (Hà Nội). Năm 1926, do tham gia cuộc bãi khoá để tang Phan Chu Trinh cho nên ông đã bị đuổi học và bị cấm thi tú tài, nhưng ông cùng một số bạn bãi khoá ở Nghệ An Hà Tĩnh quyết chí tự học, đỗ đầu tú tài Tây ở Hà Nội, được học bổng sang Pháp ở Trường đại học Toulouse (Pháp) khoa cơ điện. Ở Pháp ông đã gặp những nhà trí thức Việt Nam tiên tiến như Trần Văn Giầu, Phan Tử Nghĩa, đã

được tiếp cận với sách báo cách mạng của Nguyễn Ái Quốc. Năm 1932, ông về ra Hà Nội dạy. Từ năm 1937 ông chuyển sang ngành khí tượng. Năm 1941, ông phụ trách đài khí tượng Phù Liễn Kiến An, nghiên cứu về lịch và lịch Việt Nam, tham gia viết bài cho báo Khoa học phát hành cả Đông Dương nhằm truyền bá ý tưởng và phương pháp khoa học, xây dựng văn hoá mới cho quốc dân về phương diện khoa học. Ông còn làm Hội trưởng Hội truyền bá Quốc ngữ tỉnh Kiến An, thường xuyên duy trì mối quan hệ với các nhà hoạt động xã hội giàu tâm huyết ở Hải Phòng như Nguyễn Hữu Tảo, Nguyễn Sơn Hà, ở Hà Nội liên hệ các ông Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Luyện.

Trong thời kỳ cách mạng tháng Tám ông rất tích cực tham gia các hoạt động chính trị xã hội, làm Chủ tịch Uỷ Ban hành hành chính Bắc bộ, là đại biểu Quốc hội 7 khoá liên tiếp. Tuy vậy, ông Nguyễn Xiển vẫn ham mê công tác nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khoa học khí tượng. Năm 1945, chính phủ cử ông làm Giám đốc nha khí tượng Việt Nam. Từ năm 1947 - 1949, ông hoàn thành hai công trình: Toán học đại cương và cơ học thuần lý bằng tiếng Việt, hợp tác với các nhà khoa học nổi tiếng, giàu tâm huyết như tiến sĩ toán học cơ bản và trường sư phạm cao cấp là những trường đại học đầu tiên đào tạo nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật, phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Do có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng, ông được nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt I, năm 1996).

Tên địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân

1. TAM BẠC	*Chưa đặt tên*
Tam Bạc là tên gọi con sông trên địa bàn thành phố, một nhánh của sông Lạch Tray bắt đầu từ thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương, chảy qua các xã Lê Thiện, Tân Tiến, Bắc Sơn, Nam Sơn đến Hạ Lý, nhận thêm nước của sông Đào nối sông Lạch Tray với Tam Bạc rồi đổ ra sông Cấm. Sông Tam Bạc trở thành tuyến giao thông đường thủy quan trọng, có nhiều bến buôn bán sầm uất. Vào thời cực thịnh, sông Tam Bạc đông đúc, trên bến dưới thuyền, náo nhiệt cảnh bốc xếp hàng hóa, mua bán của các thương nhân, hành khách, phu phen, nhất là bến Tam Kỳ bên chợ Sắt. Đây cũng là nguồn cảm hứng cho tiểu thuyết "Bỉ vỏ" của nhà văn Nguyên Hồng ra đời. Hiện nay, sông Tam Bạc vẫn là cái tên gắn bó, quen thuộc với nhiều thế hệ người Hải Phòng.	
2. CẦU ĐĂNG	*Chưa đặt tên*
Cầu Phao Đăng được xây dựng từ những năm 80,90 của thế kỷ 20, là cây cầu Bắc qua sông Thái Bình, nối 02 huyện ngoại thành trọng yếu của thành phố Hải Phòng là huyện Tiên Lãng và huyện Vĩnh Bảo với quốc lộ 10, kết nối Hải Phòn với các tỉnh Thái Bình, Nam Định. Qua nhiều năm sử dụng, Cầu phao đã bị hư hỏng, xuống cấp trầm trọng. Để đảm bảo an toàn giao thông, tăng cường khả năng khai thác đường thủy và đáp ứng yêu cầu phòng chống bão lụt. Năm 2017, thành phố Hải Phòng quyết định đầu tư xây dựng cây cầu vĩnh cửu bằng nguồn ngân sách thành phố. Sau 8 tháng thi công, ngày 01/01/2018, cây càu đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.	
3. CẦU HÀN	*Chưa đặt tên*
Cầu Phao Hàn được xây dựng từ những năm 80, 90 của thế kỷ 20, là cây cầu Bắc qua sông Thái Bình, nối 02 huyện ngoại thành trọng yếu của thành phố Hải Phòng là huyện Tiên Lãng và huyện Vĩnh Bảo với quốc lộ 10, kết nối Hải Phòn với các tỉnh Thái Bình, Nam Định. Qua nhiều năm sử dụng, Cầu phao đã bị hư hỏng, xuống cấp trầm trọng. Để đảm bảo an toàn giao thông, tăng cường khả năng khai thác đường thủy và đáp ứng yêu cầu phòng chống bão lụt. Năm 2017, thành phố Hải Phòng quyết định đầu tư xây dựng cây cầu vĩnh cửu bằng nguồn ngân sách thành phố. Sau 8 tháng thi công, ngày 01/01/2018, cây càu đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.	

4. ĐÌNH VŨ	*Chưa đặt tên*

Đảo Đình Vũ (tên gốc là Định Vũ) thuộc tổng Trực Cát, trước đây nằm giữa 2 sông Cửa Cấm và Bạch Đằng. Những năm 1983-1985, thành phố đắp đường xuyên đảo nên có Đình Vũ vị trí như ngày nay.

Trong *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng*, tập I (1925-1955) đã viết về sự kiện đấu tranh chống sự áp bức của thực dân Pháp của nhân dân trên đảo, ngày 7-9-1930, do Ban Cán sự Đảng huyện Hải An lãnh đạo. Tờ "*Tin tức*", cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng, tường thuật cuộc đấu tranh này: "*Ngày 7-9-1930, ở Định Vũ gần Hải Phòng tức là làng làm muối. Chu vi địa thế như một đảo nhỏ, chung quanh có sông bao bọc, 300 dân làm muối trống, mõ inh ỏi, họp tại giữa làng diễn thuyết và biểu tình kéo đến nhà thằng đội Đoan, tức là chúa tể ở đó, ra những khẩu hiệu: Phải giảm thuế muối, đòi cơm gạo... Nhưng đến nơi, đội Đoan đã cùng vợ và con tẩu thoát rồi. Dân chúng tức giận quá chừng liền phá nhà và nhân ngày hôm ấy là 15-7 âm lịch có sẵn con heo và xôi của tên đội Đoan, liền mang ra mở tiệc, diễn thuyết rồi giải tán. Đến hôm sau có lính tới đóng ở đấy, có bắt vài ba người vừa là đảng viên vừa là quần chúng. Quần chúng tinh thần rất hăng hái, đảng viên và nông hội đỏ cũng hăng hái*". Sự kiện này được đánh giá: *Ngày 7-9-1930, thực sự là ngày biểu dương lực lượng, là đỉnh cao của phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân, học sinh và các giới lao động khác trong năm 1930 ở Hải Phòng, dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Hiện nay, với tầm nhìn và sự đầu tư của thành phố Hải Phòng, bán đảo Đình Vũ đã trở thành một phần của Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, là một trong hai khu kinh tế ở miền Bắc Việt Nam, nhằm phát triển kinh tế hàng hải mà trọng tâm là dịch vụ cảng biển, khai thác tối đa lợi thế về tự nhiên và vị trí địa lý để Khu kinh tế Đình Vũ trở thành khu vực chủ yếu của thành phố Hải Phòng; thu hút đầu tư, tiếp nhận kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong và ngoài nước, tác động tích cực đến quá trình xây dựng và phát triển hạ tầng, hình thành khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, là cơ sở quan trọng thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố Hải Phòng với mục tiêu đi đầu cả nước. Việc xây dựng Khu kinh tế này được đặt trong quy hoạch phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bác bộ, Hành lang kinh tế Côn Minh - Hà Nội - Hải Phòng và Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ.

Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội

1. THANH NIÊN	*Chưa đặt tên*
Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Bác Hồ đã chỉ rõ: Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một là do thanh niên, thanh niên là chủ tương lai của đất nước. Trong bản di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành một phần nói về vai trò của thanh niên và công tác thanh niên của Đảng. Người viết: "Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng", vừa "chuyên". Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.	
2. TRUNG TÂN	
Trung Tân là một điểm di tích thuộc quần thể di tích quốc gia đặc biệt Đền thờ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Quán Trung Tân là nơi Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm và các bô lão trong làng dựng lên ven bờ sông Hàn (Tuyết Giang - nay gọi là sông Thái Bình) với ý nghĩa Trung Tân là nơi hội tụ những phẩm chất cao đẹp của con người như trung hiếu, lễ nghĩa,… để giáo dục cho các thế hệ sau.	

Tên di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia

1. BẾN K15	
Là nơi xuất phát chủ yếu của những "con tàu Không số" Đoàn 125 hải quân chở vũ khí chi viện cho chiến trường miền Nam bằng "Đường Hồ Chí Minh" trên biển. Tại bến này, từ năm 1962-1972 đã có gần 100 lượt tàu của đoàn 125 hải quân xuất phát, vận chuyển hàng ngàn tấn vũ khí phương tiện và hàng trăm cán bộ chi viện cho chiến trường, góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Xây dựng và khánh thành bia vào ngày 1/5/2006	
2. TƯỜNG LONG	
Là địa chỉ tiêu biểu của văn hóa Việt Nam thời Lý - thế ký 11,12 trên vùng đất Hải Phòng, là tiền thân của kiến trúc chùa Việt Nam, được công nhận là di tích cấp Quốc gia năm 2005.	
3. BẾN NGHIÊNG	
Là nơi những tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng , đánh dấu cho sự thất bại hoàn toàn của cuộc chiến tranh do đế quốc Pháp tiến hành tại Việt Nam; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng	
4. NGỌC XUYÊN	*Chưa đặt tên*
Là công trình kiến trúc văn hóa của cư dân miền biển Đồ Sơn tôn thờ vị thành hoàng Điểm Tước - chủ thần chung của cả vùng Đồ Sơn. Niên đại cuối VII, đầu XVIII, được công nhận là di tích cấp Quốc gia năm 2007	

Tên di tích lịch sử, văn hóa cấp thành phố

1. TAM KỲ	*Chưa đặt tên*
Đền Tam Kỳ vốn là một ngôi miếu nhỏ thờ thuỷ thần, được khởi dựng từ lâu đời trên gò đất cao ở ngã ba sông Tam Bạc (tên gốc là Trạm Bạc) nay là vườn hoa dự kiến đặt tên là Vườn hoa Tam Kỳ. Đây là di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng cấp thành phố. Hiện nay, đền Tam Kỳ thờ các vị thần: Đức Thánh Trần - Hưng đạo đại vương Trần Quốc Tuấn; Tứ phủ trong tín ngưỡng thờ mẫu của Việt Nam, gồm: Thiên phủ, địa phủ, nhạc phủ, thuỷ phủ; Quan lớn đệ tam.	

Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương.

1. Bạch Đằng	*Chưa đặt tên*

Sông Bạch Đằng hay còn gọi là Bạch Đằng Giang là tên con sông chảy qua địa phận huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, là con đường thủy tốt nhất để đi vào Hà Nội (Thăng Long xưa) từ miền Nam Trung Quốc. Chính tại con sống này đã ghi dấu những chiến thắng hiển hách trong cuộc chiến chống giặc phương Bắc xâm lược của quân và dân ta, tiêu biểu là ba chiến công vô cùng oanh liệt, đánh tan quân xâm lược mạnh nhất thế giới:

Đó là trận thủy chiến sông Bạch Đằng năm 938 - Ngô Quyền đại thắng quân xâm luộc Nam Hán chấm dứt 1117 năm Bắc thuộc, mở ra thời kỳ độc lập của dân tộc Việt Nam. Sách Đại Việt sử ký toàn thư viết về kế sách đánh giặc của Ngô Quyền: "Nếu sai người đem cọc nhọn, đầu bịt sắt cắm ngầm trước cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta sẽ dễ bề chế ngữ, không cho chiếc nào thoát", "không kế gì hơn kế ấy cả". ngày 7 tháng chạp năm 938, Hoàng Tháo tiến quân vào sông Bạch Đằng, Ngô Quyền cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua để dụ địch đuổi theo. Hoằng Tháo quả nhiên lọt vào trận địa cọc. Khi thủy triều rút, đầu cọ bịt sắt nhô lên, Ngô Quyền huy động toàn lực tiến quân đánh trả, Hoằng Tháo và đội quân xâm lược vùi xác dưới dòng sông. Chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 được ghi vào lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta như một chiến công chói lọi, đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, chấm dứt vĩnh viễn nền thống trị hơn một ngàn năm của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kỳ độc lập thực sự và lâu dài cho dân tộc Việt Nam.

Năm 981,vua Lê Đại Hành đã tái tạo chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền trước đó 43 năm, đánh tan quân Tống xâm lược do Hầu Nhân Bảo chỉ huy. Theo nhà sử học Lê Văn Lan, trung tâm của trận chiến lần này là vùng sông nước núi U Bò, Tràng Kênh. Hầu Nhân Bảo bị giết, loạn quân đua nhau tháo chạy.

Năm 1288, Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ ba. Đây được xem là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của Việt Nam. chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 đã chấm dứt hoàn toàn ý đồ xâm lăng đối với Việt Nam của quân Nguyên Mông – một trong những đế chế hùng mạnh, tàn bạo nhất thế giới thời điểm bấy giờ.

Những chiến thắng trên, còn ghi đậm qua các dấu tích, truyền thuyết tại Thủy Nguyên như: Núi Hang Lương, U Bò, Lưu Kiếm, Lưu Kỳ, núi Phượng Hoàng, núi Hoàng Tôn,… Minh chứng rõ ràng, chân thực, góp phần làm sáng tỏ thêm vai trò, vị trí địa lý, địa hình và vai trò của nhân dân thành phố Hải Phòng xa xưa đối với các chiến thắng trên sông Bạch Đằng đó chính là việc phát hiện và khai quật bãi cọc Cao Quỳ xã Liên Khê và bãi cọc tại khu vực Đầm Thượng, xã Lại Xuân thuyện Thủy Nguyên, là niềm tự hào, là biểu tượng truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của nhân dân huyện Thuỷ Nguyên nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung.